

CHÍNH PHỦ
Số: 98/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định về việc thi hành Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi ngày 31 tháng 8 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi áp dụng đối với những công trình thủy lợi và các hoạt động sau đây:

- Những công trình thủy lợi đã xây dựng xong và được đưa vào khai thác;
- Những hạng mục công trình đã xây dựng xong được đưa vào khai thác của hệ thống công trình thủy lợi đang xây dựng;
- Giếng và đường ống dẫn nước phục vụ tưới, tiêu;
- Cấp nguồn nước từ hệ thống công trình thủy lợi cho đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và tiêu thoát nước từ các khu vực này vào hệ thống công trình thủy lợi;
- Việc điều tiết nước và các hoạt động bảo đảm an toàn cho các công trình thủy công của công trình thủy điện.

Điều 2. Việc khuyến khích các hộ dùng nước, các tổ chức và cá nhân góp phần tu bổ, bảo vệ và phát triển hệ thống công trình thủy lợi sẽ được quy định trong chính sách đầu tư về thủy lợi của chính phủ.

Điều 3. Thủy lợi phí, xử lý vi phạm hành chính, tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực thủy lợi thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Điều 4. Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích, có kế hoạch huy động lao động để bảo vệ và củng cố hệ thống công trình thủy lợi ở địa phương.

CHƯƠNG II

KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 5. Việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo hệ thống công trình. Những vùng có công trình thủy lợi nhỏ, phân tán thì việc khai thác và bảo vệ thực hiện theo từng công trình và được thành lập chung một Công ty khai thác công trình thủy lợi.

Điều 6. Việc thành lập công ty khai thác công trình thủy lợi được quy định như sau:

- Công ty khai thác công trình thủy lợi trực tiếp khai thác những hệ thống công trình thủy lợi có tầm quan trọng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
- Công ty khai thác công trình thủy lợi trực tiếp khai thác những hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến nhiều ngành, nhiều tỉnh do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.
- Công ty khai thác công trình thủy lợi trực tiếp khai thác những hệ thống công trình thủy lợi không liên quan đến nhiều ngành, nhiều tỉnh do Bộ trưởng của ngành là chủ đầu tư công trình đồng ý bằng văn bản để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương nơi có công trình thủy lợi đó quyết định thành lập.

Trình tự, thủ tục thành lập công ty phải tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước và các Pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Công ty khai thác công trình thủy lợi có các nhiệm vụ quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, được cụ thể thêm như sau:

1. Lập và tổ chức thực hiện các kế hoạch: sửa chữa công trình; sử dụng nước; phòng chống úng - hạn và thiên tai; cải tạo đất; ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm để giữ gìn bảo vệ môi trường nước và môi trường sinh thái;
2. Theo dõi quá trình thực hiện quy hoạch và dự án khả thi được duyệt; kịp thời phát hiện việc làm sai quy hoạch và sai đối tượng đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết;
3. Làm chủ đầu tư các dự án sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi do công ty đang quản lý khai thác;
4. Thực hiện quy định về bảo dưỡng công trình; kiểm tra, theo dõi, phát hiện kịp thời nguy cơ xảy ra sự cố; khi thấy công trình có nguy cơ bị mất an toàn phải xử lý ngay, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân địa phương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết;
5. Thường xuyên bổ sung hoàn thiện quy trình vận hành hệ thống công trình và từng công trình, đặc biệt là quy trình vận hành hồ chứa nước để trình duyệt theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tổ chức thực hiện;
6. Quan trắc, theo dõi, thu thập các số liệu về khí tượng, thủy văn, chất lượng nước, tình hình diễn biến công trình; úng, hạn; tác dụng cải tạo đất và năng suất cây trồng. Khi các điều kiện thiên nhiên, điều kiện làm việc của công trình khác với tài liệu và đồ án thiết kế phải đề xuất kịp thời các biện pháp xử lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết.
7. Lưu trữ hồ sơ kỹ thuật, lý lịch công trình, tài liệu thu thập hàng năm. Tổng kết rút kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả công tác khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 8. Công ty khai thác công trình thủy lợi có các quyền quy định tại Điều 16 của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, được cụ thể thêm như sau:

1. Được cung cấp trang thiết bị quản lý, phương tiện làm việc; được khai thác tổng hợp lợi ích của công trình thủy lợi theo giấy phép được cấp quy định tại Điều 20 của Nghị định này;
2. Được sử dụng lao động công ích theo quy định của pháp luật để tu bổ, bảo vệ, phát triển hệ thống công trình thủy lợi;
3. Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, bổ sung quy hoạch những hệ thống công trình thủy lợi do Công ty trực tiếp khai thác và bảo vệ;
4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương nơi có công trình thủy lợi tổ chức thực hiện phương án kỹ thuật và biện pháp cụ thể do công ty lập, nhằm bảo đảm an toàn công trình trong trường hợp có nguy cơ xảy ra sự cố.

Điều 9. Hộ dùng nước có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, được cụ thể thêm như sau:

1. Trong phạm vi diện tích canh tác của mình, hộ dùng nước có trách nhiệm tu bổ, nâng cấp bờ khoảnh, bờ thửa, kênh mương và cống tưới, tiêu nước, bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, có hiệu quả, đồng thời có trách nhiệm bảo vệ và góp phần sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi mà hộ dùng nước được hưởng lợi;
 2. Khi gặp thiên tai hoặc công trình có sự cố gây thiệt hại thì hộ dùng nước được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét miễn, giảm thủy lợi phí theo chính sách của Nhà nước;
 3. Được tham dự hội nghị các hộ dùng nước và cử đại diện tham gia Hội đồng quản lý hệ thống công trình thủy lợi, kiến nghị kế hoạch, biện pháp khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi.
 4. Được khai thác tổng hợp lợi ích của công trình thủy lợi theo giấy phép được cấp, quy định tại Điều 20 của Nghị định này.
- Trường hợp việc khai thác tổng hợp đòi hỏi phải xây dựng bổ sung hạng mục công trình, thì các hộ dùng nước được hưởng lợi trực tiếp từ hạng mục công trình đó có trách nhiệm đóng góp tài chính để xây dựng.

CHƯƠNG III

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI

Điều 10. Công ty khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào quy định của pháp luật, hồ sơ thiết kế kỹ thuật và đặc điểm của công trình trong hệ thống, lập phương án bảo vệ các công trình thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; cấm mốc chỉ giới, làm hàng rào bảo vệ, niêm yết nội quy bảo vệ; dựng biển báo, biển cấm và trực tiếp bảo vệ máy móc, thiết bị, nhà xưởng của công trình thủy lợi.

Cơ quan quản lý của ngành điện thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình thủy điện như đối với công trình thủy lợi nêu trên đây.

Kinh phí mua sắm trang thiết bị bảo vệ được lấy từ nguồn vốn xây dựng cơ bản đối với công trình mới xây dựng; lấy từ vốn quản lý vận hành đối với công trình đang khai thác.

Điều 11. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện phương án bảo vệ đã được duyệt đối với công trình thủy lợi ở địa phương mình; phân cấp cụ thể như sau:

1. Công trình thủy lợi phục vụ xã, phường, thị trấn nào, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đó tổ chức thực hiện phương án bảo vệ;
2. Công trình thủy lợi phục vụ nhiều xã trong một huyện, quận, thị xã thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã đó tổ chức thực hiện phương án bảo vệ hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có công trình nằm trong địa giới xã, phường, thị trấn đó thực hiện phương án bảo vệ;
3. Công trình thủy lợi phục vụ nhiều huyện, quận, thị xã trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó tổ chức thực hiện phương án bảo vệ hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã có công trình nằm trong địa giới huyện, quận, thị xã đó thực hiện phương án bảo vệ;
4. Hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, công tác bảo vệ được thực hiện theo nguyên tắc: công trình thuộc phạm vi tỉnh, thành phố nào thì tỉnh, thành phố đó thực hiện phương án bảo vệ;
5. Đối với công trình thủy lợi có tầm quan trọng quốc gia, do Bộ quản lý công trình chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành có liên quan, lập phương án bảo vệ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 12. Công ty khai thác công trình thủy lợi (hoặc chủ đầu tư xây dựng công trình thủy lợi) lập phương án sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Phương án sử dụng đất phải bảo đảm yêu cầu:

1. Phải có đường đi lại để quan trắc, theo dõi; có mặt bằng để xử lý khi có sự cố;
2. Đối với kênh phải có mặt bằng làm bể lắng bùn cát, làm rãnh thoát nước để nạo vét, lấy đất tu bổ thường xuyên và xử lý khi bờ kênh bị vỡ hoặc sạt lở. Đối với kênh tưới, tiêu kết hợp, phải bảo đảm yêu cầu của cả kênh tưới và kênh tiêu;
3. Đối với hồ chứa nước, phải bảo đảm an toàn cho cư dân sống ở ven hồ trong mùa mưa lũ; việc canh tác và khai thác tài nguyên không được gây xói lở và bồi đắp lòng hồ.

Điều 13. Phạm vi bảo vệ kênh được quy định cụ thể thêm như sau:

Đối với kênh tưới có lưu lượng nhỏ hơn $2\text{m}^3/\text{s}$ và kênh tiêu có lưu lượng nhỏ hơn $10\text{m}^3/\text{s}$ thì bờ và mái kênh phải được tu bổ và bảo vệ theo tiêu chuẩn thiết kế (TCVN 4118-85);

Đối với các kênh đi qua vùng đất cao, không hình thành bờ kênh thì chiều rộng mặt bờ kênh được xác định theo tiêu chuẩn thiết kế kênh (TCVN 4118-85) và phạm vi bảo vệ tính từ mép ngoài mặt bờ kênh trở ra;

Đối với kênh được kiên cố hoá (bê tông hoặc xây) thì Công ty khai thác công trình thủy lợi căn cứ yêu cầu bảo vệ và khai thác công trình, xác định phạm vi bảo vệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

Điều 14. Trường hợp cần xây dựng nhà và công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi từ sau ngày có Nghị định này, phải bảo đảm không ảnh hưởng đến an toàn công trình; chủ đầu tư xây dựng công trình phải có thiết kế kỹ thuật; được Công ty khai thác công trình thủy lợi đồng ý bằng văn bản và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương